

Câu 1: Hãy chỉ ra đáp án đúng?	Đáp án đúng: CSS là ngôn ngữ đơn giản, hoạt động kết hợp với HTML để tạo định dạng cho nội dung trên các trang web.
Câu 2: Một style sheet là một tập hợp của?	Đáp án đúng: CSS rule
Câu 3: Các CSS rule có thể được áp dụng cho?	Đáp án đúng: Áp dụng một cách chọn lọc đối với bất cứ thành phần nào trên trang web.
Câu 4: Một rule có thể bao gồm nhiều thành phần nào?	Đáp án đúng: Thuộc tính
Câu 5: CSS rule có thể ảnh hưởng lên các thuộc tính nào sau đây?	Đáp án đúng: Kiểu chữ, màu sắc và định vị.
Câu 6: Hãy chỉ ra đáp án đúng?	Đáp án đúng: CSS có khả năng áp dụng style nhất quán lên các thành phần trên một hoặc toàn bộ các trang web trong số website.
Câu 7: Đâu là một trong số những phương thức đặt CSS?	Đáp án đúng: external style
Câu 8: Inline style là cách sử dụng css như thế nào?	Đáp án đúng: Khai báo css ngay trong thẻ HTML (nội tuyến).
Câu 9: Đâu là định nghĩa đúng của địa chỉ IP?	Đáp án đúng: Là địa chỉ dạng số được dùng để định vị và tìm kiếm các trang web và file của một số website.
Câu 10: Khai báo css theo cách internal style bắt buộc phải khai báo như thế nào?	Đáp án đúng: Khai báo trong cặp thẻ <code><style></style></code>
Câu 11: Đâu là trạng thái thường được khai báo cho liên kết (links)?	Đáp án đúng: a: hover
Câu 12: Làm cách nào để gắn external stylesheet với trang web?	Đáp án đúng: Sử dụng lệnh Attach Stylesheet bằng link rel
Câu 13: Các ngôn ngữ kịch bản được dùng để xây dựng các trang web tương tác hay các website thương mại điện tử được phân thành mấy loại chính?	Đáp án đúng: 2 loại: phía máy khách (client-side) và phía máy chủ (server-side).

Câu 14: Điều gì sẽ xảy ra khi người dùng chọn cả màu nền và hình nền cho một trang web?	Đáp án đúng: Màu nền sẽ xuất hiện khi ảnh đang tải xuống.
Câu 15: Trong Javascript sự kiện OnUnload thực hiện khi nào?	Đáp án đúng: Khi kết thúc một chương trình.
Câu 16: Trong Javascript sự kiện Onblur thực hiện khi nào?	Đáp án đúng: Khi một đối tượng trong form mất focus.
Câu 17: Trong Javascript sự kiện OnMouseOver thực hiện khi nào?	Đáp án đúng: Khi di chuyển con chuột qua một đối tượng trong form.
Câu 18: Trong Javascript sự kiện Onclick xảy ra khi nào?	Đáp án đúng: Khi click chuột vào nút lệnh.
Câu 19: Trong Javascript sự kiện Onchange thực hiện khi nào?	Đáp án đúng: Xảy ra khi giá trị của một trường trong form được người dùng thay đổi.
Câu 20: Trong Javascript đoạn mã sau cho ra kết quả gì? <code><script>function kiểmtra(){window.open("http://google.com","Chao");}</script></head><body onload="kiểmtra()"></body></code>	Đáp án đúng: Khi chạy thì một trang khác được hiện ra.
Câu 21: Thẻ <code><input type='text'></code> dùng để làm gì?	Đáp án đúng: Tạo một ô text để nhập dữ liệu 1 dòng.
Câu 22: Thẻ <code><input type='Password'></code> dùng để làm gì?	Đáp án đúng: Tạo một ô password.
Câu 23: Thẻ <code><textarea ></textarea></code> dùng để làm gì?	Đáp án đúng: Tạo một textbox cho phép nhập liệu nhiều dòng.
Câu 24: Phát biểu nào sau đây đúng?	Đáp án đúng: Javascript là một trong ba kỹ thuật cơ bản để tạo nên trang web.
Câu 25: Phát biểu nào sau đây đúng?	Đáp án đúng: JavaScript được tạo ra với mục đích xử lý các tác vụ phía Client.

Câu 26: Hãy chỉ ra đáp án đúng?	Đáp án đúng: HTML giúp bố trí thông tin, CSS giúp định dạng thông tin, JavaScript giúp tính toán và tạo hành động theo tình huống.
Câu 27: JavaScript có thể làm gì trong trang web?	Đáp án đúng: Tạo menu xổ xuống (menu con) trong thanh menu.
Câu 28: Hãy chỉ ra phát biểu đúng?	Đáp án đúng: JavaScript dùng để viết game trong trang web.
Câu 29: Để viết cấu trúc lựa chọn thì có thể sử dụng phương pháp nào dưới đây?	Đáp án đúng: Sử dụng cấu trúc if else, kết hợp toán tử điều kiện, hoặc dùng cấu trúc switch case.
Câu 30: Để viết một hàm không trả về dữ liệu thì làm cách nào sau đây?	Đáp án đúng: Không viết return.
Câu 31: Điều kiện để đảm bảo khi gọi hàm không gặp lỗi là gì?	Đáp án đúng: Các đối số phải cùng thứ tự với các tham số.
Câu 32: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 3; function add(&\$b){ return \$b++; } \$a = add(\$a) - 2; echo \$a;	Đáp án đúng: 1
Câu 33: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 3; function add(\$b){ return \$b++; } \$a = add(\$a) - 2; echo \$a;	Đáp án đúng: 1
Câu 34: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 7; function add(\$b){ return \$b++; } add(\$a);	Đáp án đúng: 7
Câu 35: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 7; function add(&\$b){ return \$b++; } add(\$a); echo \$a;	Đáp án đúng: 8
Câu 36: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 7; function add(){ global \$a++; } add(\$a); echo \$a;	Đáp án đúng: Chương trình báo lỗi.
Câu 37: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 7; function add(){ global \$a; \$a++; } add(\$a); echo \$a;	Đáp án đúng: 8

Câu 38: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? \$a = 5; function add(\$b = 3){ global \$a; return \$a+\$b; } \$c = add(); echo \$a;	Đáp án đúng: 5
Câu 39: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? class Number { private \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num = new Number(); echo \$num->a;	Đáp án đúng: Chương trình báo lỗi.
Câu 40: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? class Number { public \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num = new Number(3); echo \$num->a;	Đáp án đúng: 5
Câu 41: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? class Number { public static \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } echo Number::\$a;	Đáp án đúng: 5
Câu 42: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? class Number { public \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num1 = new Number(4); \$num2 = clone \$num1; echo \$num1->a;	Đáp án đúng: 5
Câu 43: \$a = 5; \$mess = 'Gia tri cua a la: \$a'; echo \$mess; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Gia tri cua a la: \$a
Câu 44: \$a = 5; \$mess = ""Gia tri cua a la: \$a""; echo \$mess; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Lỗi chương trình
Câu 45: \$a = 5; \$mess = "\xa9Gia tri cua a la: \$a"; echo \$mess; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: ©Gia tri cua a la: 5
Câu 46: \$a = 5; \$mess = "\xa9Gia tri cua a la: \$a"; echo html(\$mess); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Lỗi chương trình.
Câu 47: \$a = 5; \$mess = "Gia tri cua a la: \$a"; echo substr(\$mess, 0, 3); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Gia

Câu 48: \$a = 5; \$mess = "Gia tri cua a la: \$a"; echo str_replace('a', 'b', \$mess); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Gia tri cua b la: 5
Câu 49: \$name = 'a b c d'; \$name1 = explode(' ', \$name); \$name2 = implode(' ', \$name1); echo \$name2; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: a b c d
Câu 50: \$name = 'a b c d'; \$name1 = explode(' ', \$name); \$name2 = implode(' ', \$name); echo \$name2; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Chương trình không hiển thị kết quả gì.
Câu 51: \$mess = (int) 'Gia tri cua a la: 5'; echo \$mess; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: 0
Câu 52: \$now = mktime(1, 2, 3, 4, 5, 2012); echo getdate(\$now)['hour']; Kết quả hiện ra màn hình là gì?	Đáp án đúng: Chương trình không hiện thông tin gì.
Câu 53: \$m = array('a'=>'1', 'b'=>'2'); echo \$m['1']; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Lỗi chương trình hoặc cảnh báo.
Câu 54: \$m = array('a', 'b', 'c', 'd'); echo array_shift(\$m); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: a
Câu 55: \$m = array('a'=>'1', 'b'=>'2', 'c'=>'3', 'd'=>'4'); echo array_shift(\$m); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: 1
Câu 56: \$m = array('a'=>'1', 'b'=>'2', 'c'=>'3', 'd'=>'4'); unset(\$m); echo array_pop(\$m); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: Lỗi chương trình.
Câu 57: \$query = "UPDATE Table SET Name='A' WHERE ID=1". Để thực thi câu truy vấn trên trong PHP ta dùng câu lệnh nào trong PDO?	Đáp án đúng: \$db->exec(\$query)
Câu 58: Cú pháp nào sau đây là đúng?	Đáp án đúng: header(Location:..)
Câu 59: Cấu trúc try catch dùng để...	Đáp án đúng: Bắt ngoại lệ của đoạn mã PHP.

Câu 60: phpMyAdmin là...	Đáp án đúng: Phần mềm quản trị cơ sở dữ liệu.
Câu 61: Trong mô hình MVC tầng nào giao tiếp với hai tầng còn lại?	Đáp án đúng: Controller
Câu 62: Trong phpMyAdmin, để xem dữ liệu của một bảng thì nhấn nút nào dưới đây?	Đáp án đúng: Click vào tên bảng ở menu bên trái.
Câu 63: Trong phpMyAdmin, để xóa dữ liệu của một bảng thì nhấn nút nào dưới đây?	Đáp án đúng: Empty
Câu 64: Tầng model của mô hình MVC chứa những gì?	Đáp án đúng: Các file PHP biểu thị dữ liệu của ứng dụng.
Câu 65: Tầng nào sau đây thuộc các tầng của mô hình MVC?	Đáp án đúng: Model, view, controller
Câu 66: Để chuyển tiếp yêu cầu sang một URL khác người ta dùng hàm nào sau đây?	Đáp án đúng: header
Câu 67: Để chuyển tiếp yêu cầu từ một trang PHP này sang một trang PHP khác người ta dùng hàm nào sau đây?	Đáp án đúng: include
Câu 68: Để gán giá trị 'abc' cho phần tử 'Ten' của mảng \$a thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: <code>\$a['Ten'] = 'abc'</code>
Câu 69: Để gán giá trị 18 cho phần tử 'Tuoi' của mảng \$a thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: <code>\$a['Tuoi'] = 18</code>
Câu 70: Để khởi tạo mảng gồm 4 phần tử trong PHP thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: <code>array(3)</code>
Câu 71: Để lấy dữ liệu từ hàng đầu tiên của tập kết quả \$b và lưu vào biến \$a thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: <code>\$a = \$b->fetch()</code>
Câu 72: Để lấy dữ liệu từ tất cả các hàng của tập kết quả thì người ta dùng cách nào sau đây?	Đáp án đúng: Sử dụng vòng lặp để duyệt từng hàng của tập kết quả.

Câu 73: Để lấy giá trị của phần tử 'Ten' của mảng \$a và lưu vào biến \$b thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: \$b = \$a['Ten']
Câu 74: Để thực thi câu truy vấn "DELETE * FROM Table" trong PHP với biến kết nối là \$db thì dùng cấu trúc nào?	Đáp án đúng: \$db->exec('DELETE * FROM Table')
Câu 75: Chế độ Live Code sẽ hiển thị điều gì?	Đáp án đúng: Hiển thị mã nguồn.
Câu 76: Thẻ <div> là viết tắt của từ nào?	Đáp án đúng: division
Câu 77: Có thể khởi tạo một file .css (dạng external stylesheet) thông qua?	Đáp án đúng: Tạo 1 file css mới.
Câu 78: Đâu là một tính năng của CSS?	Đáp án đúng: Tính kế thừa.
Câu 79: Cặp thẻ <head></head> được đặt nằm trong cặp thẻ nào sau đây?	Đáp án đúng: <html></html>
Câu 80: Dạng màu nào được hỗ trợ trong HTML?	Đáp án đúng: Màu bệt (flat color).
Câu 81: Thẻ <input type="Submit"> dùng để làm gì?	Đáp án đúng: Tạo một nút lệnh dùng để gửi tin trong form đi.
Câu 82: Phát biểu nào sau đây đúng?	Đáp án đúng: Javascript là ngôn ngữ lập trình, giúp viết code trong trang web để thực hiện tính toán, xử lý sự kiện trang web.
Câu 83: Mục đích của JavaScript là gì?	Đáp án đúng: JavaScript được tạo ra với mục đích tạo nên tính tương tác cho trang web.
Câu 84: JavaScript có thể làm gì trong trang web?	Đáp án đúng: Xử lý sự kiện, ẩn hiện hình, đổi hình khi đưa chuột vào...
Câu 85: JavaScript có thể làm gì trong trang web?	Đáp án đúng: Tạo các hiệu ứng trong trang web như slide show, carousel, tab...
Câu 86: Hãy chỉ ra phát biểu đúng?	Đáp án đúng: Kiểm tra hợp lệ dữ liệu trong form.

Câu 87: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>\$a = 7; function add(){ \$GLOBAL['a']++; } add(\$a); echo \$a;</code>	Đáp án đúng: Chương trình hiển thị cảnh báo và vẫn in ra giá trị biến <code>\$a</code>
Câu 88: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>\$a = 5; function add(\$b = 3){ global \$a; return \$a+\$b; } \$c = add(4); echo \$c;</code>	Đáp án đúng: 9
Câu 89: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>class Number { public \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num = new Number(8); echo \$num->a;</code>	Đáp án đúng: 5
Câu 90: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>class Number { public \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num = new Number(); echo \$num->a;</code>	Đáp án đúng: Lỗi chương trình.
Câu 91: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>class Number { public static \$a = 5; public function __construct(\$b) { self::\$a = \$b + 3; } } echo Number::\$a;</code>	Đáp án đúng: 5
Câu 92: Chạy chương trình sau hiển thị kết quả gì? <code>class Number { public \$a = 5; public function __construct(\$b) { \$a = \$b + 3; } } \$num1 = new Number(4); \$num2 = \$num1; \$num2->\$a + 2; echo \$num2->a;</code>	Đáp án đúng: Hiển thị cảnh báo và vẫn in ra kết quả biến.
Câu 93: <code>\$now = mktime(1, 2, 3, 4, 5, 2012); \$date = getdate(\$now); \$a = \$date['month']; echo \$a;</code> Kết quả hiện ra màn hình là gì?	Đáp án đúng: April
Câu 94: Giả sử hiện tại là 1:04:06 sáng ngày 18/02/2012 <code>\$now = strtotime('-2 hour');</code> <code>\$date = getdate(\$now); \$a = \$date['day']; echo \$a;</code> Kết quả hiện ra màn hình là gì?	Đáp án đúng: Chương trình không hiển thị thông tin gì.
Câu 95: <code>\$m = array('a'=>'1', 'b'=>'2');</code> <code>echo \$m['a'];</code> Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: 1

Câu 96: \$m = array('a', 'b', 'c', 'd'); echo array_pop(\$m); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: d
Câu 97: \$m = array('a'=>'1', 'b'=>'2', 'c'=>'3', 'd'=>'4'); echo array_pop(\$m); Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: 4
Câu 98: \$m = array('a', 'b', 'c', 'd'); echo \$m[1]; Kết quả hiện lên màn hình là gì?	Đáp án đúng: b
Câu 99: Để lấy giá trị của phần tử thứ 4 của mảng \$a và lưu vào biến \$b thì dùng cấu trúc nào sau đây?	Đáp án đúng: \$b = \$a[3]
Câu 100: Để thực thi câu truy vấn "SELECT * FROM Table" trong PHP với biến kết nối là \$db thì dùng cấu trúc nào?	Đáp án đúng: \$db->query('SELECT * FROM Table')